

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 (2023-2024)

A. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

Bài 1. HỆ THỐNG KINH VĨ TUYẾN. TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ CỦA MỘT ĐỊA ĐIỂM...

Quan sát hình bên, hãy:

1. Điền các từ còn thiếu vào các ô trống 1,2,3,4,5

2. Viết toạ độ địa lí của các điểm A, B, C, D

.....

.....

.....

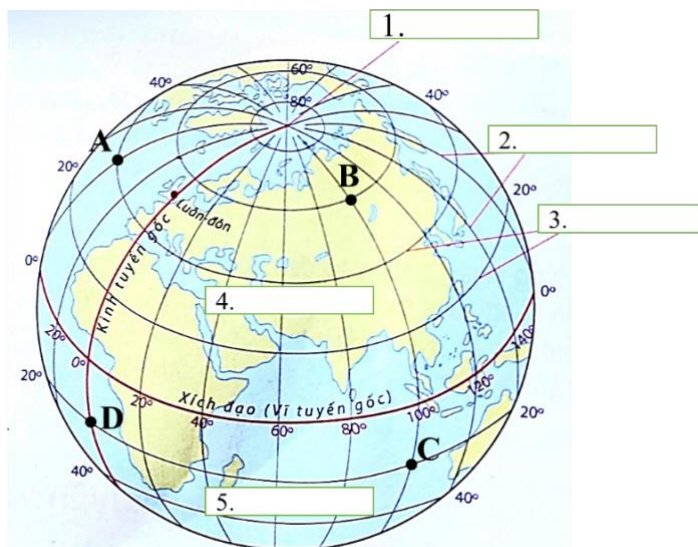
.....

.....

.....

.....

.....



Các đường kinh tuyến và vĩ tuyến trên quả Địa Cầu

Bài 2. CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA BẢN ĐỒ.

1. Kí hiệu bản đồ

Câu 1. Quan sát hình bên, hãy liệt kê:

+ Các loại kí hiệu

+ Các dạng kí hiệu

được thể hiện trong bản đồ.

Trả lời:

.....

.....

.....

.....

.....

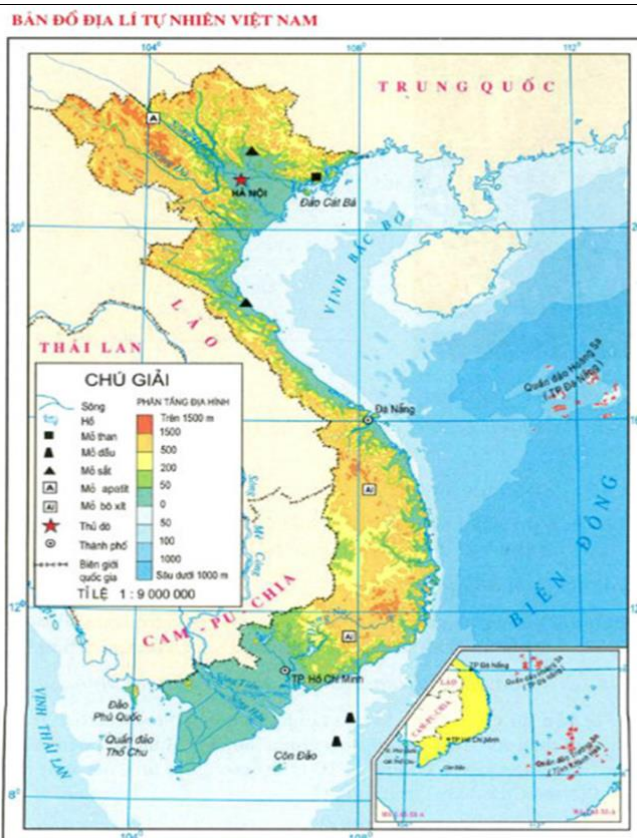
.....

.....

.....

.....

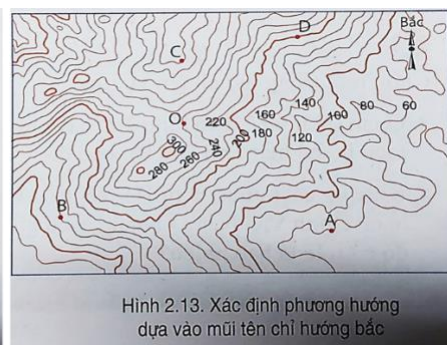
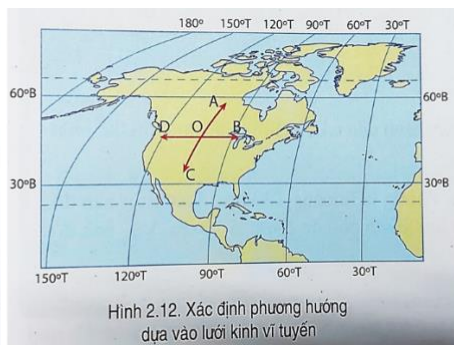
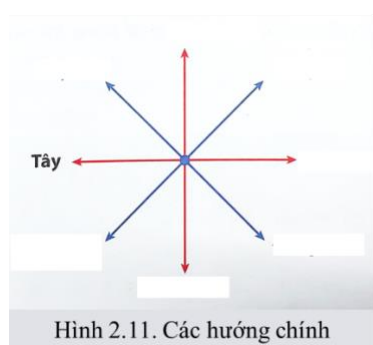
.....



Hình 3. Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam

2. Phương hướng trên bản đồ

Hoàn thành nội dung hình 2.11 và xác định hướng OA, OB, OC, OD có trong hình 2.12 và 2.13.

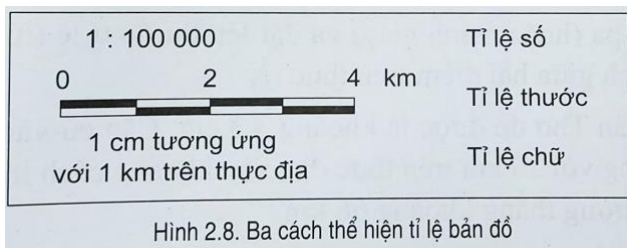


Trả lời: -Hướng:

.....

3. Tỷ lệ bản đồ

Câu 1. Dựa vào hình 2.8 SGK, hãy cho biết:
Có bao nhiêu cách thể hiện tỷ lệ bản đồ? Đó là những cách nào?



Trả lời:

.....

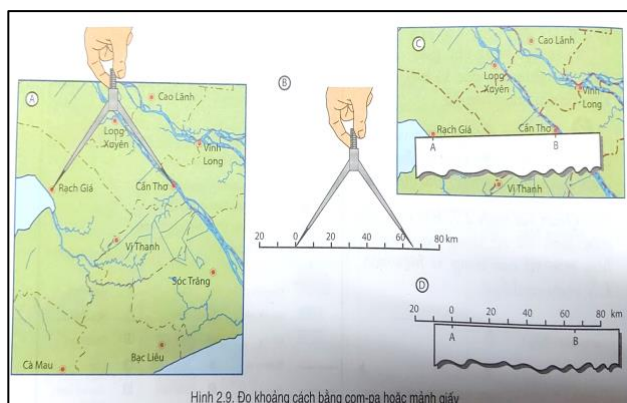
.....

.....

.....

.....

Câu 2. Dựa vào hình 2.9 SGK, hãy trình bày:
Cách đo tính khoảng cách trên bản đồ dựa vào tỷ lệ bản đồ?



Trả lời:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Thành phố A và B có khoảng cách thực tế là 500km, xác định khoảng cách trên bản đồ của 2 thành phố ở các bản đồ có tỷ lệ sau:

Trả lời:

.....

.....

- Tỉ lệ: 1: 1 000 000.	
- Tỉ lệ: 1: 500 000.	
- Tỉ lệ: 1: 60 000 000.	
	
	

Bài 3. LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ.

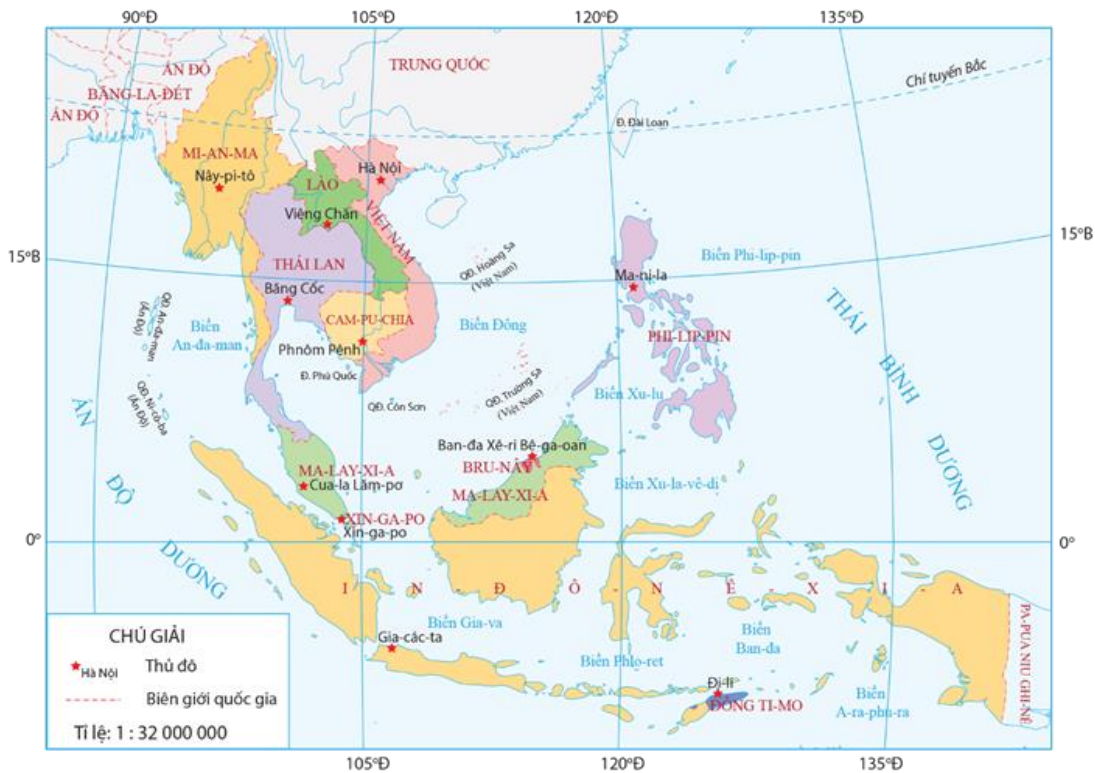
Bài tập:

Em hãy dựa vào mô tả về một bệnh viện sau đây để vẽ sơ đồ bệnh viện đó: “Bệnh viện gồm: phòng bảo vệ ở bên trái cổng vào, bên phải cổng vào là nhà thuốc Bệnh viện, thẳng cổng vào là nhà của A (có 5 tầng) gồm khoa cấp cứu, nhà điều hành, khoa nội thần kinh, khoa ngoại khu khám bệnh. Bên trái nhà là nhà B (có ba tầng) là khoa Đông y, đối diện nhà B và bên phải nhà A là nhà C (có 4 tầng) có các khoa Tiêu hóa, Tiết niệu, Nhi, Sản.”

Bài làm:

Bài 4. ĐỌC BẢN ĐỒ. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

1. Đọc bản đồ



Hình 4.1. Bản đồ các nước trong khu vực Đông Nam Á

Câu 1. Dựa vào H4.1, xác định vị trí địa lí (Vĩ độ, tiếp giáp) của Việt Nam, Thái Lan trên bản đồ Đông Nam Á

Trả lời:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

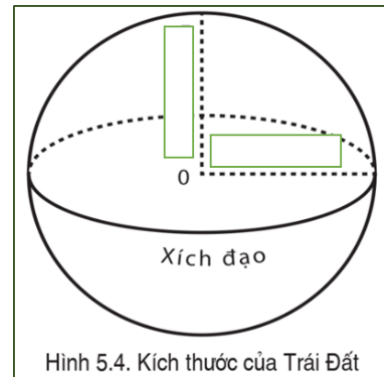
Câu 2. Dựa vào H4.1, xác định hướng đi:

- Từ Hà Nội đến Ma-ni-la:
- Từ Ma-ni-la đến Xin-ga-po:
- Từ Băng Cốc đến Hà Nội:

Bài 5. TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI. HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

Câu 1. Điền tên các hành tinh trong hệ Mặt Trời theo số thứ tự từ gần đến xa Mặt Trời

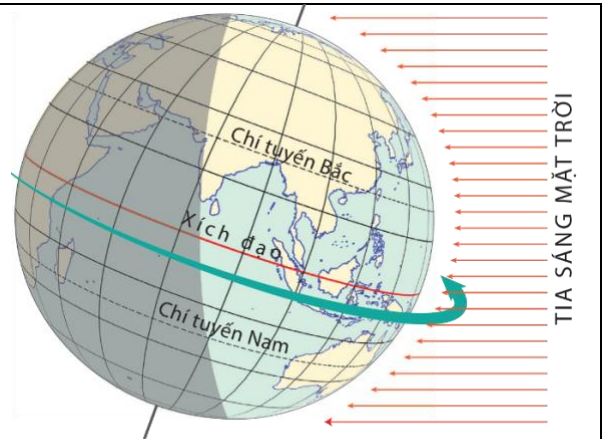
Câu 2. Điền kích thước của trái Đất vào trong hình 5.4.



Bài 6 CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT VÀ CÁC HỆ QUẢ ĐỊA LÍ.

Câu 1. Nêu đặc điểm chuyển động của Trái Đất tự quay quanh trục và các hệ quả

- Thời gian quay 1 vòng:
- Hướng quay:.....
- Góc nghiêng của trục.....
- Các hệ quả:
 - a.
 - b.
 - c.



Hình 6.1. Trái Đất quay quanh trục và hiện tượng ngày – đêm trên Trái Đất

Câu 2. Một trận bóng đá trong khuôn khổ giải ngoại hạng Anh giữa câu lạc bộ Liverpool và câu lạc bộ Manchester United diễn ra vào lúc 15 giờ ngày 20/12/2022 theo giờ ở Luân Đôn ở Anh, vậy người hâm mộ bóng đá ở Việt Nam có thể xem trực tiếp qua truyền hình vào mấy giờ ở Việt Nam?

Trả lời:

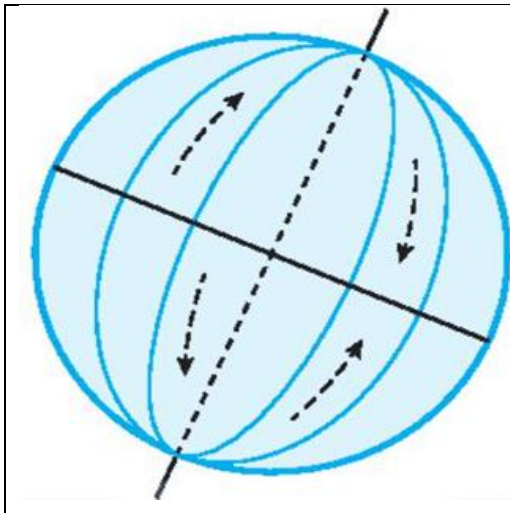
Câu 3. Vẽ lại hướng chuyển động thực tế của vật thể trong các trường hợp sau

Câu 4. Hãy sử dụng những cụm từ sau để hoàn thành đoạn thông tin dưới đây:

ngày và đêm luân phiên nhau
tây sang đông

dạng khối cầu
chiều sáng một nửa

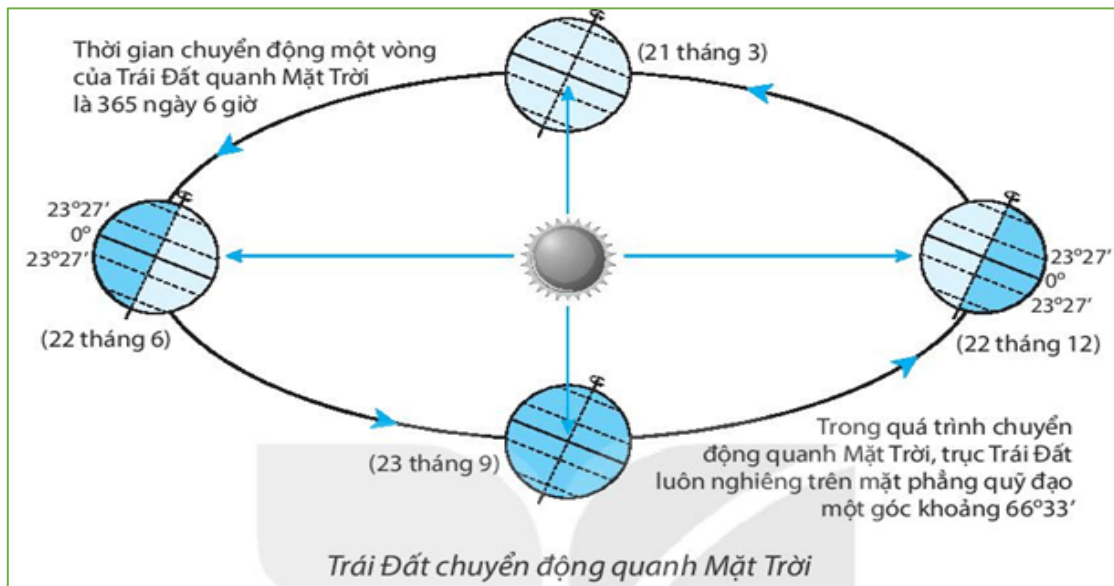
Do Trái Đất có (1)
nên lúc nào cũng chỉ được Mặt Trời (2)



.....Do sự chuyển động tự quay từ (3)nên ở khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có (4)

Bài 7. CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT QUANH MẶT TRỜI VÀ CÁC HỆ QUẢ ĐỊA LÍ.

Cho sơ đồ sau:



Câu 1: Hãy mô tả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

.....

Câu 2. Hãy hoàn thành bảng theo mẫu sau:

	Từ 22 – 3 đến 22 – 9		Từ 24 – 9 đến 20 – 3 năm sau	
	Mùa	So sánh độ dài ngày – đêm	Mùa	So sánh độ dài ngày – đêm
Bán cầu Bắc				
Bán cầu Nam				

Bài 8. XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG NGOÀI THỰC ĐỊA.

Câu 1. Hãy nêu một số cách xác định phương hướng ngoài thực tế.

Trả lời:

.....

.....

.....

Câu 2. Sáng sớm thức dậy, em thấy Mặt Trời mọc ở hướng đông, vậy làm thế nào để xác định được các hướng bắc, nam và tây?

Trả lời:

.....

.....

.....

Câu 3. Nêu những điều cần lưu ý khi sử dụng la bàn để xác định phương hướng.

Trả lời:

.....

.....

.....

Bài 9. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. CÁC MẢNG KIẾN TẠO. NÚI LỬA VÀ ĐỘNG ĐẤT

Câu 1. Trình bày cấu tạo của Trái Đất

.....

.....

.....

.....

.....

.....

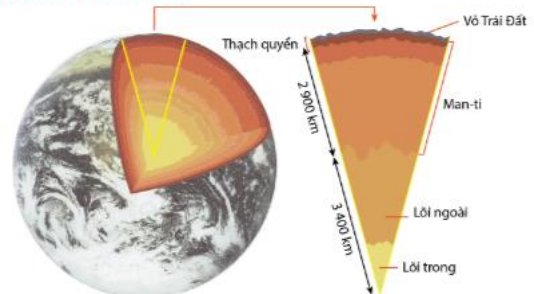
.....

.....

.....

.....

Cấu tạo của Trái Đất



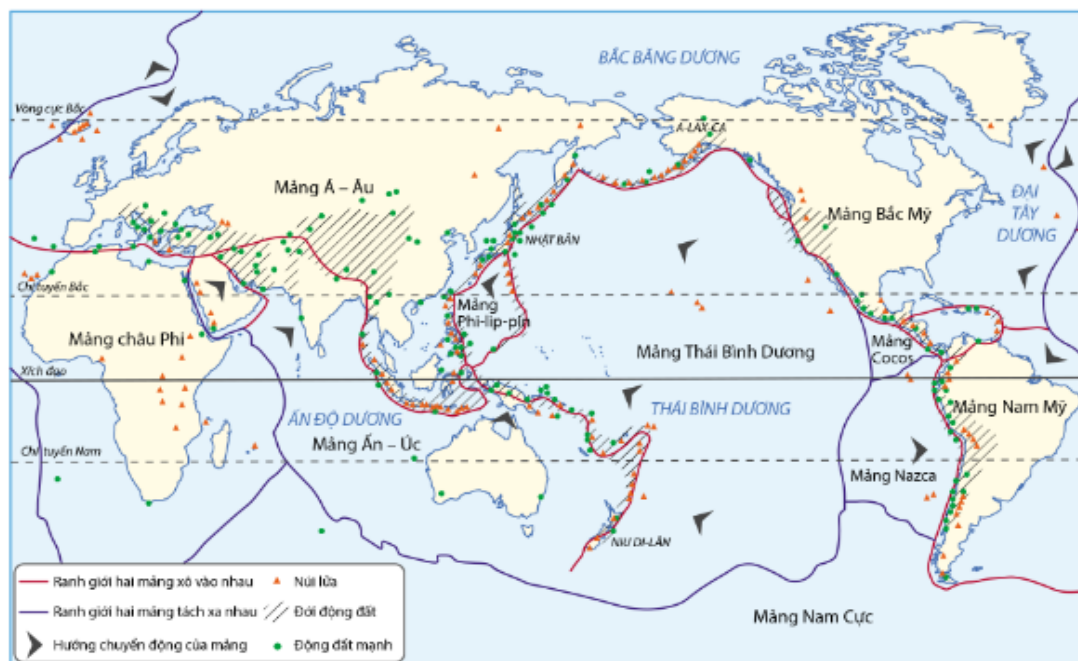
Câu 2. Dựa vào lược đồ dưới đây và kiến thức đã học, hãy:

a. Kể tên các mảng kiến tạo lớn trên lược đồ.....

.....

b. Động đất, núi lửa thường xảy ra ở vị trí nào của các mảng kiến tạo?

.....



Hình 9.3. Lược đồ các mảng kiến tạo lớn và các vành đai núi lửa, động đất trên Trái Đất

Câu 3. So sánh hai hiện tượng động đất và núi lửa

So sánh	Động đất	Núi lửa
Hiện tượng		
Nguyên nhân		
Tác hại		
Lợi ích		

Bài 10: QUÁ TRÌNH NỘI SINH VÀ NGOẠI SINH. HIỆN TƯỢNG TẠO NÚI

1. Quá trình nội sinh là gì? Thể hiện của quá trình nội sinh?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Quá trình ngoại sinh là gì? Thể hiện của quá trình ngoại sinh?

.....

.....

.....

.....

.....

3. Quá trình tạo núi là:

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 11 CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH. KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm của các dạng địa hình chính trên Trái Đất:

Dạng địa hình	Khái niệm	Hình thái (Đặc điểm)
Núi		
Đồng bằng		
Cao nguyên		
Đồi		
Cac-xơ		

B. PHÂN MÔN LỊCH SỬ 6

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Việc phát hiện ra công cụ và đồ trang sức trong các mộ táng đã chứng tỏ điều gì?

- A. Công cụ lao động và đồ trang sức làm ra ngày càng nhiều.
- B. Quan niệm về đời sống tín ngưỡng xuất hiện.
- C. Đã có sự phân chia tài sản giữa các thành viên trong gia đình.
- D. Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy đã có sự phát triển.

Câu 2. Hai con sông gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền văn minh Ấn Độ là sông nào?

- A. Sông Hoàng Hà và Trường Giang.
- B. Sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát.
- C. Sông Nin và sông Ti-gơ-rơ.
- D. Sông Ấn và sông Hằng.

Câu 3. Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ để cày cấy, được gọi là gì?

- A. Nông dân tự canh.
- B. Nông dân lĩnh canh.
- C. Nông dân làm thuê.
- D. Nông nô.

Câu 5. “Tứ đại phát minh” của Trung Quốc bao gồm các thành tựu về kĩ thuật nào sau đây ?

- A. Thuốc nhuộm, mực in, giấy vẽ, đúc tiền.
- B. Bản đồ, giấy, đúc tiền, mực in.
- C. Giấy, nghề in, la bàn, thuốc súng.
- D. Luyện sắt, đúc đồng, chế tạo súng, giấy.

Câu 6. Chế độ phong kiến Trung Quốc được hình thành dưới triều đại nào?

- A. Nhà Thương.
- B. Nhà Chu.
- C. Nhà Tần.
- D. Nhà Hán.

Câu 7. Bầy người nguyên thủy sống chủ yếu dựa vào đâu?

- A. Săn bắt, chăn nuôi.
- B. Săn bắt, hái lượm.
- C. Trồng trọt, chăn nuôi.
- D. Nhà thuyền trên sông nước.

Câu 8. Các giai đoạn tiến triển của tổ chức xã hội thời nguyên thủy là

- A. bầy người nguyên thủy -> thị tộc -> bộ lạc.
- B. bầy người nguyên thủy -> bộ lạc -> thị tộc.
- C. bộ lạc -> thị tộc -> bầy người nguyên thủy.
- D. thị tộc -> bộ lạc -> bầy người nguyên thủy.

Câu 9. Vào cuối thời nguyên thủy, con người ở Việt Nam đã có sự thay đổi địa bàn cư trú:

- A. Mở rộng địa bàn cư trú lên các vùng trung du và miền núi.
- B. Mở rộng địa bàn cư trú xuống vùng đồng bằng ven các con sông.
- C. Thu hẹp địa bàn cư trú, sống tập trung trong các hang động, mái đá.
- D. Thay đổi địa bàn cư trú liên tục, nay đây mai đó.

Câu 10: Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam cuối thời nguyên thủy gắn với các nền văn hóa tiêu biểu nào?

- A. Phùng Nguyên, Đồng Nai, Sa Huỳnh.
- B. Sa Huỳnh, Đồng Đậu, Gò Mun.
- C. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun.
- D. Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Gò Mun.

Câu 11: Giá trị của các con sông: sông Nin, sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát đem lại cho nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại là

- A. cung cấp nước sinh hoạt và tưới tiêu.
- B. cung cấp phù sa màu mỡ.
- C. đường giao thông chính thúc đẩy phát triển kinh tế.
- D. cả ba đáp án trên.

Câu 12: Những thành tựu văn hoá chủ yếu của Ai Cập là

- A. lịch, kĩ thuật ướp xác, chữ viết, hình học. B. lịch, kĩ thuật ướp xác, chữ viết, số học.
C. lịch, thuốc súng, chữ viết, hình học. D. lịch, kĩ thuật ướp xác, đồng hồ, số học.

Câu 13. Nhận định nào dưới đây không đúng về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại?

- A. Phía bắc là những dãy núi cao.
B. Phía tây và phía đông là những vùng đồng bằng trù phú.
C. Ở lưu vực sông Ấn, có sự tác động của gió mùa, cây cối tươi tốt.
D. Lãnh thổ Ấn Độ cổ đại bao gồm Ấn Độ, Pa-ki-xtan, Nê-pan, Băng-la-đet... ngày nay.

Câu 14: Đẳng cấp Su-đra là

- A. tăng lữ. B. nông dân, thương nhân, thợ thủ công.
C. quý tộc, chiến binh. D. những người thấp kém trong xã hội.

Câu 15: Nhà Tần thống nhất Trung Quốc vào năm

- A. 221 TCN. B. 223 TCN. C. 225 TCN. D. 227 TCN.

Câu 16: Xpac-ta và A-ten được gọi là

- A. hai thành bang tiêu biểu nhất ở Hy Lạp.
B. đại hội đồng nhân dân ở Hy Lạp.
C. các cơ quan nhà nước ở La Mã.
D. hai đế quốc hùng mạnh nhất trước khi La Mã mở rộng lãnh thổ.

Câu 17: Điều kiện tự nhiên của các quốc gia Hy Lạp và La Mã cổ đại tạo thuận lợi cho hoạt động kinh tế nào nhất?

- A. Nông nghiệp. B. Thủ công nghiệp, Thương nghiệp.
C. Công nghiệp. D. Chăn nuôi gia súc.

Câu 18: Đông Nam Á là cầu nối giữa

- A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. B. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
C. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương. D. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

Câu 19. Từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII, các vương quốc cổ đã hình thành trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay là

- A. Văn Lang, Âu Lạc, Chăm Pa, Phù Nam.
B. Văn Lang, Âu Lạc, Đại Cồ Việt, Phù Nam.
C. Văn Lang, Âu Lạc, Chăm Pa, Chân Lạp.
D. Văn Lang, Âu Lạc, Ca-lin-Ga, Phù Nam.

Câu 20: “Phía đông đảo Booc-nê-ô (Ma-lai-xi-a) đã phát hiện được bảy chiếc cột đá có khắc chữ San-xkrit (chữ Phạn). Hiện vật trong những mộ táng ở Booc-nê-ô cho thấy mối quan hệ buôn bán với Trung Quốc từ thời nhà Hán. Ở Thái Lan, tại di chỉ khảo cổ Pông-túc (thế kỉ II-IV) đã phát hiện được một số mảnh gốm, một số pho tượng Phật nhỏ bằng đồng”. Đoạn tư liệu này chứng tỏ từ những thế kỉ đầu Công nguyên, Đông Nam Á đã có sự giao lưu kinh tế, văn hóa với:

- A. Ấn Độ, Trung Quốc. B. Nhật Bản, Trung Quốc.
C. Ấn Độ, Hi Lạp. D. Ai Cập, Lưỡng Hà.

Câu 21. Hình vẽ dưới đây cho em biết điều gì về nền sản xuất của người Ai Cập cổ đại?



▲ Hình 4. Người Ai Cập cổ đại canh tác nông nghiệp (tranh vẽ)

- A. Đó là nền nông nghiệp dùng cày.
- B. Ai Cập phát triển nông nghiệp trồng lúa nước.
- C. Xã hội đã phân hoá sâu sắc.
- D. Phụ nữ là người lao động chủ yếu trong nông nghiệp.

Câu 22. Văn hoá Ấn Độ được truyền bá và có ảnh hưởng mạnh mẽ sâu rộng nhất ở đâu?

- A. Trung Quốc.
- B. Các nước Ả Rập.
- C. Các nước Đông Nam Á.
- D. Việt Nam.

Câu 23. Trong các câu sau đây, câu nào sai về nội dung lịch sử?

- A. Người Hy Lạp và La Mã sáng tạo ra chữ tượng hình.
- B. Người Hy Lạp cổ đại tiếp thu nhiều thành tựu văn hoá của các cư dân phương Đông cổ đại.
- C. Từ một thành bang nhỏ bé ban đầu, Hy Lạp dần trở thành đế chế có lãnh thổ rộng lớn.
- D. Cả Hy Lạp và La Mã đều có nhiều loại khoáng sản, thuận lợi cho thủ công nghiệp phát triển.

Câu 24. Với nhiều vũng, vịnh kín gió là điều kiện đặc biệt thuận lợi để cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại phát triển ngành kinh tế nào?

- A. Nông nghiệp trồng lúa.
- B. Thủ công nghiệp.
- C. Nông nghiệp trồng cây lâu năm.
- D. Thương nghiệp đường biển.

Câu 25. Chế độ đẳng cấp Ấn Độ cổ đại được phân chia dựa trên cơ sở nào ?

- A. Phân biệt về chủng tộc và màu da.
- B. Phân biệt về tôn giáo.
- C. Phân biệt về văn hoá.
- D. Phân biệt về tiếng nói.

II. Tự luận

Câu 1. Hãy kể tên một số vật dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ chính phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại. Em ấn tượng với phát minh nào nhất? Vì sao?

Câu 2. Điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự hình thành và phát triển của nền văn minh ở đây?

Câu 3. Em hãy trình bày đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.

Câu 4. Em hãy nêu những điểm tương đồng về vị trí địa lí của các vương quốc cổ ở ĐNA